

CHỌN IS / ARE / AM / WAS

TODAY	YESTERDAY
DẠNG KHẲNG ĐỊNH	DẠNG KHẲNG ĐỊNH
1. I _____ tired.	1. I _____ tired.
2. The table _____ red.	2. The table _____ red.
3. Your sister _____ short.	3. Your sister _____ short.
4. Where _____ Nam from?.	4. Where _____ Nam from?.
5. She _____ eight years old.	5. She _____ eight years old.
DẠNG PHỦ ĐỊNH	DẠNG PHỦ ĐỊNH
6. I _____ at the museum.	6. I _____ at the museum.
7. Ben _____ slow.	7. Ben _____ slow.
8. Emma _____ strong.	8. Emma _____ strong.
9. The cat _____ hungry.	9. The cat _____ hungry.
10. He _____ funny.	10. He _____ funny.